

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22/5/2024
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Đăng Anh Việt.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Văn Miên và bà Phạm Thị Sâm.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nhật L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Nhật L trình bày:

Chị Trương Thị Nhật L và anh và anh Nguyễn Hữu Minh T có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G vào năm 05/4/2012.

Sau khi kết hôn, chị L và anh T chung sống hạnh phúc cho tới khoảng 02 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường hay xảy ra cãi vã, anh T không lo làm ăn, tính cách bảo thủ, chị L đã nhiều lần khuyên nhủ

nhưng anh T vẫn không thay đổi được. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không còn ai quan tâm tới nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm T, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 03 con chung tên: Nguyễn Nhật Bảo Trân, sinh ngày 03/11/2012; Nguyễn Nhật Bảo Hân, sinh ngày 08/3/2017 và Nguyễn Nhật Bảo Châu, sinh ngày 03/11/2019.

Hiện tại cả 03 cháu đang sống cùng chị L. Quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu giao cháu Bảo Trân cho anh T nuôi dưỡng, tuy nhiên anh T thường đi làm vắng nhà, giao cháu Hân cho bà nội chăm sóc, thời gian gần đây cháu Trân tự về ở với chị L. Vì vậy, tại phiên tòa chị L yêu cầu Tòa án giao cả 03 cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn anh Nguyễn Hữu Minh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trương Thị Nhật L và anh Nguyễn Hữu Minh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, chị L có đơn xin ly hôn, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp L nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị L không còn yêu thương anh T, không còn mong muốn chung sống cùng anh T nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Tại phiên tòa chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu Nguyễn Nhật Bảo Trân, Nguyễn Nhật Bảo Hân, Nguyễn Nhật Bảo Châu cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Anh T đã được Tòa án triệu tập họp L nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Chị L đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục các cháu. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cả 03 cháu Nguyễn Nhật Bảo Trân, Nguyễn Nhật Bảo Hân, Nguyễn Nhật Bảo Châu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trương Thị Nhật L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Nguyễn Hữu Minh T có địa chỉ tại: thôn Đoàn Kết, xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu Minh T đã được Tòa án triệu tập họp L nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Nhật L và anh Nguyễn Hữu Minh T trải qua qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ia Din, huyện Đ, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống với anh T, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị L và T không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị L không còn yêu thương anh T, không còn mong muốn chung sống cùng anh T nữa. Như vậy, chị L và T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập họp L nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện anh T không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị L, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị L yêu cầu ly hôn với anh

T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị L và T có 03 con chung tên là: Nguyễn Nhật Bảo Trân, sinh ngày 03/11/2012, Nguyễn Nhật Bảo Hân, sinh ngày 08/3/2017 và Nguyễn Nhật Bảo Châu, sinh ngày 03/11/2019. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trân giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên anh T thường đi làm vắng nhà, nên cháu Trân giao cho bà nội chăm sóc, thời gian gần đây cháu Trân tự về ở với chị L. Vì vậy, hiện tại cả 03 cháu đang sống cùng chị L. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được.

Hội đồng xét xử xét thấy, con cái cần phải được cha mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T thường đi làm vắng nhà, không có điều kiện chăm sóc cháu Trân, hiện nay cháu Trân cũng tự về sống cùng chị L, trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện nguyện vọng của cháu Trân được sống cùng mẹ. Cháu Trân là con gái cần được sự chăm sóc của mẹ, chị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo sự phát triển toàn diện cho các cháu. Đồng thời quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T không thể hiện nguyện vọng về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L giao cả 03 cháu Nguyễn Nhật Bảo Trân, Nguyễn Nhật Bảo Hân và Nguyễn Nhật Bảo Châu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Sơn cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị Nhật L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Nhật L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Nhật L được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Bảo Trân, sinh ngày 03/11/2012, cháu Nguyễn Nhật Bảo Hân, sinh ngày 08/3/2017 và cháu Nguyễn Nhật Bảo Châu,

sinh ngày 03/11/2019 cho chị Trương Thị Nhật L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Nguyễn Hữu Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn T quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Trương Thị Nhật L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007653 ngày 07/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 22/5/2024, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Ia Dìn;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt